TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-ST
Ngày: 05 -7 - 2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi, họ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn,

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Cao Thế,

Ông Lê Văn Đặng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2017/TLST-TCDS ngày 24 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi, họ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Viết T, địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, theo văn bản ủy quyền ngày 28/11/2017, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị H, địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 11 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn bà

Phan Thị H, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Viết T trình bày: Bà Phan Thị H nghe bà Ngô Thị H nói có thành lập hụi và rủ bà H tham gia, bà H đồng ý vì nghĩ rằng góp hụi khi bốc sẽ có khoản tiền lớn để giải quyết nhu cầu gia đình. Theo quy định, lần đầu chủ hụi bốc không trích tiền lãi cho các thành viên, từ tháng tiếp theo các hội viên ai có nhu cầu bốc thì viết số tiền lãi trích lại cho hụi vào giấy, hụi viên nào để lại số tiền nhiều hơn thì sẽ được bốc trước, số tiền để lại chia cho các hụi viên.

Ngày 30 tháng 02 năm 2014, bà H nộp cho bà H một tháng 6.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H nộp liên tiếp cho bà H (chủ hụi) 12 tháng là 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng), đến tháng thứ 13 bà H không thu tiếp tiền và cũng không hoạt động nữa. Quá trình tham gia hụi bà H nhận lại được 21.800.000 đồng được chia từ những người bốc hụi trước. Từ tháng 02 năm 2015 đến nay, bà H không nói gì và không trả cho bà H đồng nào.

Bà Phan Thị H đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H trả cho bà H số tiền 72.000.000 đồng, tiền lãi từ tháng 3/2015 đến ngày Tòa án xét xử theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị H trình bày: Năm 2014, bà Ngô Thị H là tiểu thương tại chợ M, các chị em trong chợ M tín nhiệm và bầu bà làm trưởng hội và nhờ bà H giữ tiền hội cho chị em, trong đó có bà Phan Thị H nộp cho bà một tháng 6.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 30 tháng 02 năm 2014 đến tháng 02 năm 2015 là hết hội. Bà H đã chốt sổ nợ của bà H là 72.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 22.000.000 đồng.

Hiện nay, bà Phan Thị H khởi kiện, bà H sẽ trả cho bà H số tiền trên, nhưng đề nghị bà H cho bà trả dần vì hiện tại bà không có khả năng để tra một lần cho bà H. Còn đối với khoản tiền lãi bà H yêu cầu, bà H không chấp nhận vì bà không đi vay, không thế chấp, do bà H tự nguyện nộp cho bà để bà H được hưởng lãi.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 4 năm 2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông là chồng của bà Ngô Thị H, năm 2013 vợ ông là bà H được mọi người tín nhiệm bầu làm chủ hội và tự nguyện nộp tiền chơi hụi để lấy lãi. Bản thân vợ ông tự lập, tự chơi cùng các thành viên khác và lấy tiền sử dụng vào mục đích gì ông hoàn toàn không biết. Hiện nay, bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu vợ ông trả tiền đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, ông không liên quan đến việc này nên không có trách nhiệm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng thẩm quyền, nghĩa vụ tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung: Căn cứ giấy xác nhận, thống nhất nợ giữa bà Phan Thị H và bà Ngô Thị H thì bà H còn nợ của bà Phan Thị H số tiền 72.000.000 đồng nhưng không thỏa thuận được phương thức trả nợ, căn cứ Điều 471, 468 của Bộ luật dân sự; các điều 10, 17, 18, 19, 21, 22, 27, 29, 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà H phải trả cho bà Hương tiền gốc và tiền lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Phan Thị H khởi kiện bà Ngô Thị H yêu cầu trả tiền hụi còn nợ chưa thanh toán, các đương sự có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quảng Ninh. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi, họ" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do giao dịch được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 và đang được thực hiện nên áp dụng quy định tại điểm b Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, áp dụng Điều 471, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Ngị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường để giải quyết trong vụ án này.

[3] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho các đương sự và tiên hành các bước theo đúng quy định của pháp luật. Bà Ngô Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, ông H.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu, ý kiến của các bên đương sự đã thống nhất xác nhận số nợ hụi tổng cộng 72.000.000 đồng mà bà Ngô Thị H còn nợ bà Phan Thị H, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tại liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy, việc bà H còn nợ của bà H 72.000.000 đồng là có thật, do đó cần xem xét buộc bà H có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 72.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi: Bà Phan Thị H yêu cầu bà Ngô Thị H trả lãi từ tháng 02/2015 đến ngày Tòa án xét xử vụ án, nhưng bà H không chấp nhận vì cho rằng bà không vay mượn gì của bà H, việc góp hụi do bà H tự nguyện. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 quy định: "Chủ họ phải trả lãi đối với các phần họ giao chậm theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì áp dụng theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với

thời gian giao chậm tại thời điểm giao các phần họ"; tại Điều 573 của Bộ luật dân sự quy định: "Lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này. Bà H đã giữ tiền của bà H từ tháng 3/2015, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10% năm. Vì vậy, cần buộc bà H phải trả tiền lãi cho bà H từ tháng 3 năm 2015 đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu 10% năm là phù hợp với Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Như vậy, số tiền lãi bà H phải trả cho bà H 72.000.000 đồng x 10% năm x 40 tháng thành tiền 24.400.000 đồng.

Về thời hạn trả nợ: Bà H xin trả dần số tiền 72.000.000 đồng, nhưng bà H không chấp nhận. Xét yêu cầu xin trả dần của bà H làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm cùng bà H trả số nợ cho bà H. Tuy nhiên, bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn H cho rằng việc bà H chơi hụi ông H không biết và trong sổ ghi nợ hụi cũng không có chữ ký của ông H. Do đó, không buộc ông H phải có trách nhiệm trả nợ trong vụ án này.

[5] Về án phí: Bà Ngô Thị H phải chịu án phí 4.820.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 13, Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà H có đơn xin miễn, giảm án phí vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử xét giảm 50% án phí cho đương sự, như vậy bà H phải nộp 2.410.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điều 271, 773 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 471, điều 357 và điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 10, 17, 18, 19, 21, 22, 27, 29, 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 13, Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H. Buộc bà Ngô Thị H phải trả cho bà Phan Thị H số tiền nợ hụi 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng) và tiền lãi 24.400.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị H phải nộp 2.410.000đồng (Hai triệu bốn trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Trả lại cho bà Phan Thị H số tiền 1.800.000đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/N^{o} 0001088 ngày 24/11/2017 và 540.000đ ồng (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/N^{o} 0001136 ngày 23/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn